

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, điển nghĩa, điển giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Giai thoại làng văn

Chế Lan Viên một thời, dựa thế Tố Hữu cũng hách lắm. Tô Hoài gọi là thằng nặc nô của đảng. Hồi chỉnh huấn văn nghệ sĩ, Chế Lan Viên làm tổ trưởng, nói với Nguyễn Tuân: Ông tưởng ông to lắm à? Tôi phụ trách ông kia mà!
Họp chấp hành, ý kiến Chế Lan Viên là quyết định. Thí dụ, ban chấp hành bàn có nên kết nạp Phan Quang không? Mọi người chờ ý kiến của Chế Lan Viên. Chế Lan Viên đi đái vào, nói: *“Thằng Thép Mới nó còn ở ban chấp hành được thì thằng Phan Quang sao không cho vào hội được!”*. Ai cũng gọi là thằng tuốt; Thằng Nguyễn Đình Thi, thằng Tô Hoài, thằng Hoàng Trung Thông, chẳng sợ ai cả.

Nhưng Chế Lan Viên chết rất khổ. Vợ là Vũ Thị Thường phục vụ rất mệt. Gàn chết hay quát tháo vợ con. Vũ Thị Thường nói chỉ thèm được ngủ, khi Chế Lan Viên chết, việc đầu tiên là ngủ bù một giấc, dậy mới có sức mà khóc.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Chữ nghĩa làng văn

"Chó má": khen con nít mới đẻ xinh tốt, mà không dám nói ngay.

(Tự điển Huỳnh Tịnh Của)

Tên nhân vật trong tác phẩm

Tên nhân vật được đặt nhiều nhất là: Lão Hạc.
Kẻ sẵn chó (Lưu Thủy Hương) - Con chó xấu xí (Kim Lân)
Lão Hạc (Nam Cao) – Chuyện nhỏ xóm nghèo (Y Ban).

(Phụ đính: Những truyện ngắn trên: Chó đi với chủ tên là ...Hạc)

Hư cấu (I)

Hư cấu là phương thức xây dựng hình tượng điển hình qua việc sáng tạo ra những giá trị mới, như sự kiện, cảnh vật, nhân vật trong một tác phẩm theo sự tưởng tượng của tác giả. Đây là một yếu tố không thể thiếu của sáng tác *văn học nghệ thuật* bắt nguồn từ cuộc sống nhưng không sao chép nguyên nó. Từ những chất liệu thực tế, nhà văn nhào nặn, sáng tạo ra những *hình tượng nghệ thuật* sinh động, rõ nét...

Lần đầu tiên khái niệm hư cấu được các nhà tư tưởng cổ Hy Lạp triết luận trong những bình giảng về thơ văn, theo họ thơ văn trước hết như là sự bắt chước, nhưng người sáng tác vẫn có quyền được hư cấu.

Văn học thế kỷ 20 chứng kiến sự quay trở lại của hư cấu mơ một trong những thủ pháp nghệ thuật bộc lộ rõ ở những tác phẩm vận dụng ước lệ nghệ thuật ở mức độ cao, hoặc gây ấn tượng mạnh. Theo đó nhà văn có thể nói về cái vốn có thực và ngược lại, cũng có thể nói về cái không thể có.

(nguồn Wikipedia)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Dakao là biến danh của Đất Mộ (đất của lãng).
Lãng-tô là biến danh của Tân Thuận, tên một làng mà dân Saigon thường đến hóng mát (pointe des flaneurs).

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Tiếng Việt dễ nhưng...thương không dễ

Con lợn từ Bắc xuống Nam bị hóa kiếp thành con heo cũng có điển tích đằng hoàng:
"Paulus Huỳnh Tịnh Của là một học giả người miền Nam, trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, ông đã giải nghĩa lợn là heo, là giống lục súc béo hơn hết. Đúng như con lợn tự khoe: "*Nội trong hàng lục súc với nhau - Ai sánh đặng mình heo béo tốt?*"

Độc Việt sử, người miền Nam phần lớn là những di dân từ miền Trung tràn xuống, tiếng nói của họ nặng, khi phải bấm trình với quan lớn, họ lại phát âm thành "*quan lợn*". Quan cho là vô phép nên sai lính lấy hèo phạt, ai bấm "*quan lợn*" là phải đòn 10 hèo..

Nhiều người bị phạt hèo như vậy, nên khi thấy con lợn họ hình dung ngay ra những cây hèo vút vào miệng họ, họ bèn mỉa mai gọi con lợn là "*con hèo*". Rồi để khỏi làm lẫn con lợn với cây gây quái ác ấy, họ bớt đi dấu huyền, còn lại là...*con heo*.

Con lợn từ miền Bắc xuống miền Nam thành con heo là như thế.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Chữ Việt gốc Tàu

Từ mào, đọc ra mọo rồi hóa ra...mèo

Chữ nghĩa máy vi tính

Xưa, giai thoại được truyền miệng từ người này sang người khác nên được gọi là văn học dân gian. Nay, truyện dân gian thời internet có thêm một nguồn khác được gọi là...chat.
Cần bán gấp nhà nhiều phòng 3.000 m2, tường chống đạn, an ninh tốt, có gắn camera, bảo vệ tuần 24/24. Giá thương lượng.

Địa chỉ: Nhà tù Chí Hòa.

Chữ nghĩa tiếng Việt

Sơn Nam với cuốn *Tuổi già*, mở ra đọc, thấy: "râu ria "*bùm tum*", "*lật bật*" tới chợ", mắt chõ "*đùm đạu*"..., những chữ ấy đều không tìm thấy trong bộ *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức.

Nhưng viết nhiều tiếng lạ thì nhà văn Sơn Nam không theo kịp nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Trong một cuốn *Tạp văn* chẳng hạn, bao nhiêu tiếng mới: *cần nhần, cử nhử, lượng sượng* không biết nói chuyện gì, những bộ quần áo mới má *thắt theo* chắt mót từng lợn rau bó cải để

sấm cho con, mưa bắt đầu *xập xoài*, đầu *chờ vờ* như con cá lóc gặp nước mặn, mặt trời *lặng bưng* lên từ phía chân trời, mình *cùm nùm cùm nùm* lủ nó (tức lủ vịt con) v.v... Ôi, phong phú không biết bao nhiêu mà kể.

Tôi ngạc nhiên, lấy làm nghĩ ngợi: Sơn Nam và Nguyễn Ngọc Tư ở cuối miền đất mới trong Nam. Đất mới thì đất đai, cây cỏ, chim muông lắm thứ mới, tập tục phải có chỗ mới mẻ, lời ăn tiếng nói địa phương nảy thêm cái mới, phải thôi...

(Nguyễn Hưng Quốc – Đi tìm Võ Phiến)

Chữ và nghĩa

Hoàn cảnh – Cũng như những chữ ẩn tượng, hai chữ “hoàn cảnh” là danh từ nhưng hay được dùng như tính từ.

Chẳng hạn, “Nó hoàn cảnh lắm anh ạ!”. Người nghe hiểu là người nói “gặp hoàn cảnh khó khăn,” hoặc “trong hoàn cảnh ngặt nghèo” sao đó! Nên tránh lối viết này, trừ khi cố ý đùa rỡn.

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật với những nỗi nhớ:

"Vắng cơm ba bữa còn no
Vắng em một bữa giờ giò không lên"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Chữ Việt gốc Tàu

Từ ngọc, đọc ra ngọc rồi hóa ra...ngựa.

Ngụy và cải tạo

Thời hậu Hồ, họ cũng đốt sách tàn dư ngụy quân, ngụy quyền. Nào có khác gì "nguyên mẫu" của nhà Nguyễn với "bản sao" Gia Long: *Họ có tha gì mà không đốt sạch, phá sạch dấu vết nhà Tây Sơn còn sót lại? Tất cả những gì được gọi là “Ngụy tây” bị nhà Nguyễn đốt hết.* Như tiên sinh vừa khiến cưỡng diễn giải ở trên.

Ngoài cụm từ *ngụy quân, ngụy quyền* có từ thời Gia Long. Thời hậu ông Hồ còn vay mượn hai chữ "cải tạo" có từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát. Theo trong *Đại Nam chính biên liệt truyện* thì chúa Nguyễn dành hai vùng "cải tạo" là Thủy Xá phía đông và Hỏa Xá phía tây núi Bà Nam thuộc tỉnh Phú Yên cho người Chiêm Thành mất nước. Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã "cải cách" và "tạo dựng" nơi ăn chỗ ở có tên : xá, "lán"...

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Phú-Nhuận: Nghĩa là giàu sang và thuần nhã, là nơi còn nhiều di tích như: Lăng Đô-đốc Võ Di Nguy, mất tại cửa bể Thị Nại năm 1801. Lăng Trương Tấn Bửu và lăng Võ Quốc Công tức là hậu quân Vũ Tính, nơi đây vua Gia-Long có cho trồng 4 cây thông đưa từ Huế vào để tỏ lòng mến tiếc.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Đồng sàng...

“*Đồng sàng các mộng*” hay “*Đồng sàng dị mộng*” đồng nghĩa là nằm cùng giường nhưng mộng tưởng khác nhau.

“*Đồng tịch đồng sàng*” là cùng giường chiếu chỉ nghĩa gắn bó của vợ chồng. Trong *Lục vân tiên* có câu: “*Cũng chưa đồng tịch đồng sàng*”.

Tên gọi người...

Trong *Phụ nữ tân văn* số 5-1929 có bài thơ tựa đề *Sài Gòn* của tác giả Hải Khách:

Sài Gòn nguyên thị nhất đồ hội
Đủ Tây, Chà, Chệt, Mọi, Cao Mên
Kể chi là đất người quen
Tiêu khiển cũng một đôi phen lếu láo

Vì vậy người Thượng được là “*mọi*” trước thập niên 30? Bây giờ người trong nước kêu là “*người dân tộc*”. Hiểu ra là người Việt là... “*ngoại tộc*”, không phải là người dân tộc!

(Phan Anh – Chùa Hoa)

Chữ và nghĩa

Còn nhiều nữa, rất nhiều nữa, cả thảy 27 ngàn 400 tiếng Việt như vậy, ta đã cùng nói cùng xài chung, dùng chung, của không biết bao nhiêu là ngôn ngữ anh em chung quanh ta, đến nỗi *không có một tiếng Việt nào mà lại không có chung gốc gác với một vài ngôn ngữ khác ở miền Đông nam Á này.*

Các tiếng nói Đông nam Á như Khmer, Lào, Thái, Chàm, Malay, Indonesia, Nùng, Hmong Bahnar, Rhade, v.v.. bao bọc tiếng Việt mà chúng ta không ngờ đến đó thôi. Nhưng tiếng Việt có một điểm rất lạ, dễ thì dễ mà khó cũng thật là khó, vì ta tưởng là ta viết được tiếng Việt là ta hiểu được tiếng Việt.

Thật ra ta không hiểu tiếng mẹ đẻ của chúng ta nó ra làm sao cả :

- Ta nói “*đau đớn*” mà ta không hiểu “*đớn*” là gì, (*đớn* là tiếng Mon có nghĩa là *đau cái đau của lòng mình*)
- Ta nói “*rộn rịp*” mà không hiểu “*rịp*” là gì, (*rịp* là bận việc, gốc tiếng Lào Thái)
- Ta nói “*săn sóc*”, chăm “*sóc*” mà ta chẳng hiểu “*săn*” là gì và “*sóc*” là gì. (*Săn* là *theo dõi*, “*sóc*” là *sức khoẻ* gốc Sanskrit / Pali).

Có cả thảy chừng 10 ngàn tiếng Việt *gốc gác* như thế !

(Nguyễn Hy Vọng – Cái tinh thần đặc biệt của tiếng Việt)

Văn học giải phóng Miền Nam

“*Văn học giải phóng*” mới là văn học chân chính của Miền Nam, ông Phạm Văn Sĩ ở Sài Gòn viết một cuốn sách về nền văn học ấy, và kể ra những tên như:

Nguyễn Đức Thuận, Thanh Hải, Giang Nam, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Huỳnh Minh Siêng, Trần Bạch Đằng, Anh Đức, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Trung Thành, Phan Tử, Nguyễn Vũ v.v...

Ông không chịu nói ra cái điều lý thú này:

Là tất cả những kẻ vừa kể trên đều được phái từ ngoài Bắc vào.

Hạng cao niên hơn thì lại đổi tên đổi họ, hóa thân làm người mới: Lưu Hữu Phước hóa làm Huỳnh Minh Siêng, Nguyễn Văn Bổng hóa thành Trần Hiếu Minh, Nguyễn Ngọc hóa ra

Nguyễn Trung Thành, Bùi Đức Ái thành ra Anh Đức, Trần Bạch Đằng làm Hường Triều, Lê Khâm hóa thành Phan Tứ, v...v...

Họ làm ra mặt trận giải phóng Miền Nam bằng người của họ, họ tạo ra một nền văn học giải phóng Miền Nam bằng người của họ mang vào, sau khi đã dạy dỗ kỹ càng và kiểm soát chặt chẽ. Họ lần lượt đội hết tên này đến tên kia, ký hết “bút hiệu” này đến “bút hiệu” nọ, viết sách cho in đi in lại phổ biến khắp nước.

Sau này khi cần biên khảo về văn học Việt Nam thời kỳ 1954-75, với tài liệu sách báo do nhà nước Việt Nam phổ biến rộng rãi, cung ứng đầy đủ, các học giả Tây phương tha hồ hăng hái nghiên cứu về cái văn học giải phóng như là nền văn học chân chính, nền văn học duy nhất của Miền Nam Việt Nam, với những tác phẩm sáng chói kể chuyện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, chuyện “tục ăn thịt người” ở Miền Nam...v.v... với những văn nghệ sĩ cách mạng Nguyễn Trung Thành, Trần Hiếu Minh, Huỳnh Minh Siêng v.v... thường thường nhất trí quan điểm với những nghệ sĩ cách mạng Miền Bắc Nguyễn Văn Bổng, Lưu Hữu Phước...

Đối với Tây phương sẽ chỉ còn có nền văn học ấy ở Miền Nam.

Chúng ta thấy hài hước? Thật hài hước chết người.

(Võ Phiến – Văn học miền Nam)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Vùng Lái-Thiên (ông Lái gồm họ Huỳnh đã thiên nhà vì say rượu)

Thủ Đức với những hồ bơi nước suối, và những gói nem ngon lành. Thủ nhắc lại ngày xưa có những chức quan văn như thủ bạ, thủ hộ lo về việc thuế má và nhơn thế bộ. Do đó mà có những địa danh như Thủ Thiên, Thủ Thừa, Thủ Ngữ v.v..

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Nói lái

Nói lái là để “chơi chữ”, là dùng cách hoán chuyển chữ, nguyên âm và dấu những từ người đó muốn nói lái. Sau năm 75, ở Sài Gòn có một số từ hay câu được nói lái như vào gặp quan chức, cán bộ...bá tánh đi ra nói “*đơn giản*” thì nên hiểu là họ...*đang giận*. Nên phải “*đứng trông hoài*” hiểu ra là...*đái trong quần*. Hoặc thờ ra lại gặp “*Vũ Văn Cận*” thì cố hiểu dùm là...*vẫn như cũ*. Hay bá tánh than thờ gặp cô “*Bùi Lan*” tức cũng chỉ...*bàn lui*.

Ngoài ra những chuyện chùm sò như: *tranh đấu* thì...*tránh đầu* cho thoát như...*trâu đánh vậ*.

Lỡ là *giáo chức* thì...*dứt cháo và đọi mã quy*...*Mỹ qua*. Rồi về hưu:

Sáng lặc cổ, chiều lặc cau

Độn lầy, khai giếng tưới hành rau

Chữ quân

Chữ “quân” là vua của người Tàu biểu tượng hình là “*thanh gươm*” và “*cái lưỡi*”.

Tây phương cũng có hình ảnh tương tự với thời quân chủ, Will Durant viết: *Thanh gươm* và *cái lưỡi* làm nên ông vua.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Chữ nghĩa làng văn

Nhà văn Nguyễn Công Hoan phóng bút:

“Viết phải dựa trên chuyện có thật. Nhưng phải bịa, vì viết thật quá thì khô cứng. Tuy nhiên phải bịa như...thật”

Tên và họ

Ngày xưa nước ta không có sổ hộ tịch.

Tên tuổi phần nhiều được nhớ truyền miệng. Nhà nào có người biết chữ thì ghi chép lập thành gia phả. Ghi chép đúng tên họ, nôm na là tên cúng cơm của người xưa không phải là chuyện dễ ai làm cũng được. Một số các công thần, bầy tôi được ban họ vua, được tặng họ Tào, được giữ tên thật, phải đổi tên mới... Chồng chèo, rối như mớ bòng bong! Thế mới nát chuyện và có chuyện để nói !

Giới cầm bút ngoài họ tên do cha mẹ đặt, người nào muốn thì cứ việc tự chọn cho mình tên hiệu, bí danh. Có người quen dùng tên hiệu, tên giả, suýt quên cả tên thật do cha mẹ đặt cho. Qua tên hiệu, người thì muốn bày tỏ tình cảm với núi sông, quê quán (Tản Đà, Thu Bồn, Cửu Long Giang...), người thì áp ủ một ý chí (Thép Mới, Sóng Hồng, Trường Chinh...). Có người lại thích cầu kỳ, bí hiểm như Đái Đức Tuấn chọn tên hiệu là Tchya (có người giải là *Tôi chỉ yêu ai* hay *Tôi chỉ yêu anh ?*).

Chả thấy thằng Tèo, cái Hĩm đâu cả.

Con cháu lỡ miệng động đến tên cúng cơm của các cụ là phạm tội bất kính. Vì thế mà không thiếu gì những đứa bé không hề biết tên tuổi ông bà, cha mẹ. Thậm chí người lớn trước khi tới chơi nhà ai phải hỏi dò tên cha ông của chủ nhà để...tránh trong lúc chuyện trò. "Nhập gia vấn húy" là vậy.

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật qua nỗi vấn vương đi vào tận giấc ngủ khiến chàng trở nên lú lẫn một cách buồn cười:

"Phòng loan trải chiếu rộng tình
Anh lặn qua đặng cái gối, tưởng bạn mình, em ơi!"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Thằng cho vay là thằng đại
Thằng trả lại là...thằng ngu

Đặt tên con!

Tục xưa, tên xấu thì dễ nuôi.

Nhà nọ có 3 người con trai được đặt tên là Cút, Cu và Đóp.

Một hôm, ông bố đi vắng thì có ông bạn đến chơi. Người vợ thay mặt chồng tiếp đón ân cần, người bạn cũng vui lắm.

Đến bữa ăn, người vợ bảo thằng út :

- Dọn cơm cho bác, Đóp !

Người bạn hơi phật lòng, ăn qua loa vài chén rồi đứng dậy.

Người vợ bảo đứa thứ hai :

- Múc nước cho bác rửa, Cu !

Lần này ông bạn giận tím mặt, liền chào ra về. Người vợ ngỡ người ra, không hiểu làm sao

cả, bảo thẳng con lớn :
- Dắt xe cho bác. Cút !

Tục ngữ Tàu

Lục thập *vật* quá dạ
(Sáu mươi chớ ở qua đêm)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Biên Hòa: Hiểu theo nghĩa là hòa bình ở biên cương, một trấn đã được sáp nhập vào nước ta năm 1653. Khoảng đất này xưa được gọi là Đông Phố đúng ra là Giãn Phố vì hai chữ Đông và Giãn viết theo chữ Hán hơi giống nhau.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Khinh từ (II)

Khinh từ hay uyển ngữ là thuật ngữ ngôn ngữ học và văn học để chỉ lối nói giảm, là biện pháp tu từ ngược lại với ngoa dụ và, ở phương diện nào đó, khá gần với nhã ngữ.

Để thông báo sự mất mát lớn như cái chết, người ta sử dụng các từ như "mất", "quy tiên", "tử trần". Trong văn học, cái chết còn có thể được miêu tả hình tượng hóa như:

"Nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương" (Nguyễn Du).

"Bác Dương thôi đã thôi rồi / nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta" (Nguyễn Khuyến).

(nguồn Wikipedia)

Nói toàn thể!

Nói toàn thể thì thành phần của lời giống thành phần của một cơ thể. Chúng tự liên lạc, không cần chữ "nối".

Ta chỉ nói "Tôi tên Tùng", mà không cần nói "Tôi tên là Tùng".

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

Ai là dịch giả bản Chinh Phụ Ngâm?

Hà Nội đã cho ra "Tuyển tập Các Nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam"- Nhóm biên soạn gồm các nhà Hán Nôm chuyên nghiệp Kiều Thu Hoạch, Đỗ Thị Hảo, Trần Thị Băng Thanh, Trương Đức Quả.

Điều đáng tin cậy là việc khảo, phiên âm, dịch chú văn bản tác phẩm" đều lấy từ các văn bản gốc ở kho lưu trữ của Viện Hán Nôm...được các tác giả "khảo" và "tham" khá kỹ lưỡng , rồi "dịch", rồi "biên" một cách bài bản cẩn thận, có trách nhiệm cao.

Vì bài viết có hạn nên tôi (Nguyễn Khôi) chỉ đi sâu giới thiệu 1 số vấn đề lâu nay nổi cộm khá thú vị về Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, đó là "vụ án Ai là dịch giả bản Chinh Phụ Ngâm mà ta vẫn học và đọc xưa nay ?", về thơ Hồ Xuân Hương ...lần này cũng được các tác giả soạn sách đưa ra những văn bản học của cả các học giả tiền bối để khẳng định" bản dịch nào là của Hồng Hà nữ sĩ ?

Đồng thời cũng đưa ra ý kiến phản bác luận điểm của Hoàng Xuân Hãn từ năm 1952 ở Paris cuốn "Chinh Phụ Ngâm dị khảo" đã khẳng định rằng: bản dịch Chinh Phụ Ngâm lâu nay vẫn cho là của Đoàn Thị Điểm...đích thực là của Phan Huy Ích " ?

Trong đó Hoàng Xuân Hãn đã dựa vào 1 tài liệu của người họ Phan là Phan Huy Chiêm, năm 1926 ông này đã biên thư cho Tạp chí Nam Phong nhận rằng :dịch giả bản Chinh Phụ Ngâm nói trên là của Phan Huy Ích.

Tài liệu để Hoàng Xuân Hãn chứng minh Chinh Phụ Ngâm (dịch) ấy quanh quẩn vẫn là tài liệu của họ Phan, mà tài liệu ấy lại không có văn bản gốc (nguyên văn thủ bút hay bản khắc ván chữ Nôm đầu tiên của dịch giả) mà đó chỉ là bản dịch Chinh Phụ Ngâm chữ Latinh (chữ Quốc ngữ) mà thôi ! (nên nhớ là thời Nhà Lê , nước ta chưa có chữ Quốc ngữ theo vần abc như bây giờ).

(Nguyễn Khôi – Chinh Phụ Ngâm do Đoàn Thị Điểm dịch)

Tiếng Việt mới

Cá liên xô: không phải cá nhập cảng từ liên xô mà mua cá theo kiểu xếp hàng nối đuôi nhau liên liên (liên) xô nhau (đẩy nhau).

Móc ngoặc: ụng thuận trong việc giao dịch buôn bán.
(từ “móc ngoặc” có “nhất ngoặc, nhì thân“ rồi...”phe phẩy”)

Chữ nghĩa làng văn

Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành

Có 2 cách giải thích xuất xứ 2 câu này. Thông thường, nhiều người nghĩ rằng đây là hai câu ca dao. Tuy nhiên, có tài liệu cho là 2 câu thơ của thi sĩ Xuân Tâm (tên thật là Phan Hạp), người làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, mà không cho biết nguyên văn bài thơ. Giai thoại kể rằng Xuân Tâm ghi hai câu này trên một quyển sách tặng vợ. Viết trên sách tặng, thì không biết là thơ Xuân Tâm hay là đây là hai câu ca dao có trước, rồi Xuân Tâm viết tặng vợ, và người ta tưởng là của Xuân Tâm?

(Học trò trong Quảng ra thi – Trần Gia Phụng)

Nói lái trong câu đối

Bút hiệu *Thế Lữ* (trong Tự Lực Văn Đoàn) chính là chữ nói lái của tên thật của ông: Nguyễn Thứ Lễ. Ngày trước đã có vế đối:
Ngày Tết, Thế Lữ đi hai thứ lễ: lễ ta và lễ tây

(Hòa Đa – Nói lái)

Chữ nghĩa làng văn

Những chữ dùng để chỉ kẻ hầu người hạ đã tùy hoàn cảnh xã hội mà thay đổi. *Chữ con nhà, nàng hầu* tương đối lâu đời nhất được dùng trong các nhà quan. Sang đến thời Pháp thuộc có chữ *con sen, chị vú, anh phu xe, rồi anh tài xế*.. Những chữ để chỉ việc gái chơi bời như : *đi nhà thổ (maison de terre), nhà chứa, me tây, làm đĩ*.. Trong Nam giản dị gọi chung là *gái điếm*. Thêm một chữ *cô ả* cũng mất tiêu không ai dùng nữa.

Một số chữ của nhà đạo cũng không được dùng nữa là : *Thầy cả, cụ, cố, thầy kẻ giảng, ông bố*. Một số chữ bên Phật giáo như *ông Bụt, ông sư, ông vải, bà vải, chú tiểu* cũng ít ai dùng. Có nhiều người muốn phục hoạt lại chữ *Bụt, ông Sư* ...

(Chữ nghĩa di cư - Nguyễn Văn Lược)

Tử ngữ, sinh ngữ

Tử ngữ là chữ không còn dùng nữa, là chữ...chết!

Sinh ngữ là gì? Tra trong Tự điển Hán Việt tôi thấy không có chữ sinh ngữ. Vậy *sinh ngữ* là...*tử ngữ* hay sao?

(Hoàng Long Hải – Không sinh thì tử)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Nhà Bè, một vùng ngoại ô trù mật ở phía đông, chúng ta phải đi qua một cái cầu gọi là Cầu Bông, vì xưa kia ở gần đó Tả Quân Lê Văn Duyệt có lập vườn hoa rất ngoạn mục. Bà Chiêu tỉnh lý Gia Định, nổi tiếng về lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt (1764-1832) được người Việt và người Tàu tôn thờ như một vị thần thánh.

Theo Trương Vĩnh Ký thì Bà Chiêu là một trong 5 bà vợ của ông Lãnh Binh đã xây cái cầu ông Lãnh. Theo phương pháp tục tục mà các cụ ngày xưa thường áp dụng, ông đã lập ra 5 cái chợ, giao cho mỗi bà cai quản một cái: Bà Rịa (Phước Lễ), Bà Chiêu (Gia-Định), Bà Hom (Phước Lâm), Bà Quẹo (phía Quán Tre) và Bà Điểm (phía Thượn Kiêu).

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Tiếng Việt mới

Cán bộ năm dê: nói dài, nói dai, nói dối, nói dở, nói dốt.

Cán bộ sáu vè: vào, vơ, vét, vè, vui-vè.

Ca dao và lịch sử

Khi viết tập "*Vũ Trung Tuy Bút*", về việc chúa Trịnh ham mê hưởng lạc, bày cảnh vui chơi làm khổ dân với nhiều sai dịch, Phạm Đình Hồ đã cho là có sự bất tương. Cho nên hết đời Trịnh Sâm, các con ông là Trịnh Khải và Trịnh Cán vì tranh quyền đã gây rối loạn ở kinh thành. Trịnh Cán (con Tuyên phi Đặng Thị Huệ) mới được lập lên, với sự hỗ trợ của Quận Huy, chưa được hai tháng, thì bị anh là Trịnh Khải trừ diệt.

Vì hai anh em họ Trịnh tương tàn, dân gian đã cố lời bàn tán:

Đục cùn thì giữ lấy tông

Đục long cán gãy còn mong nổi gì

"Tông" ám chỉ tước hiệu của Trịnh Cán (Tông Đô Vương). "Đục long cán gãy" là nghiệp chúa của Trịnh Cán không tồn tại bao lâu.

(Phương Nghi - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Lộng ngữ (III)

Lộng ngữ hay chơi chữ là khai thác những tương đồng về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh nhằm tạo ra những liên tưởng bất ngờ trong trò chơi ngôn ngữ.

Lộng ngữ có thể được tạo ra do khai thác các kiểu nói lái (hay nói trại). Chẳng hạn như: "Nhắc mỗi thả xuống *câu môi* (mỗi câu) trong một giai thoại về Nguyễn Khuyến)

Hoặc có thể được tạo ra do khai thác các từ đồng âm dị nghĩa:

"*Lợi* thì có *lợi* nhưng *răng* chẳng còn" (răng-lợi) - Ca dao.

Cũng có thể được tạo ra do sử dụng từ đồng nghĩa, như

"*Thịt chó* ăn được *thịt cây* thì không" – Ca dao.

Ngoài ra, lộng ngữ cũng có thể được tạo ra do tách các chữ từ một chữ theo đặc điểm văn tự, ví dụ:

"Người cổ lại còn đeo thoi nguyệt - Buồng xuân chỉ để lạnh mùi hương", thì "cổ" và "nguyệt" kết hợp với nhau là chữ "HỒ", họ của Hồ Xuân Hương.

(Nguồn: Wikipedia)

Chữ nghĩa làng văn

Một số nhà nghiên cứu cho rằng nguyên văn câu nói của Nguyễn Bình Khiêm với sứ giả của Nguyễn Hoàng (được chép lại trong bài *Phả ký* của Vũ Khâm Lân) phải là “Hoành Sơn nhất đái, khả dĩ dung thân” (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân được) chứ không phải là “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân” (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời) như phần lớn tài liệu đã dẫn. Nguyên nhân của sự sai khác này được lý giải do các sử gia nhà Nguyễn sau này đã sửa đổi hai chữ “khả dĩ” thành “vạn đại”, với hy vọng sẽ giữ được cơ nghiệp của triều đại tới muôn đời.

Tiếng Việt vừa dễ vừa khó

Hỏi:

Trong cái nhìn của người xưa về *Bốc Y Lý Số*..., tui thấy chữ *Bốc* hơi lạ..., không biết có phải là "*bốc đất xem Thiên Văn hay không?*", hay có chủ ý sâu rộng chi hè..., không phải là *bốc thăm* chi mô hỉ? Chữ dưới, tui thiên nghĩ như sau, nếu có sai sót, rất mong được học hỏi thêm nha:

- 1 - bốc : ???
- 2 - y : Đông y thường thức
- 3 - lý : Địa lý (phong thủy)
- 4 - số : Số mạng (tử vi, bói toán)

Đáp :

- 1 - bốc Hán chỉ có 1 chữ : đoán, bói
- 2 - y : chữa bệnh (không phải là đông y)
- 3 - lý : nhờ (không phải lý = địa lý)
- 4 - số : tính toán, số mạng.....

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Tiếng Việt trong sáng

Đọc thấy câu: "...đăng ký làm *chiêu sinh* ngành hải quan...".
"*Chiêu sinh*" nghĩa là gì? Ai biết chỉ dùm. Cám ơn.

Chữ nghĩa biên khảo: Đổi họ

Vua Lê Thái Tông vì có mẹ là Phạm Thị Ngọc Trần nên vua ra lệnh ai họ Trần phải đổi ra họ Trịnh. Có một số họ Trần không đổi ra họ Trịnh mà là họ Bùi.
Vì chữ Bùi do chữ "phi" và "y" ghép lại là "không áo". Mà "không áo" là "ở trần".

Rồi vua Lê ban quốc tính cho công thần từ Nguyễn Trãi thành Lê Trãi, sau xuống chiếu bãi bỏ, để Lê Trãi trở lại với...Nguyễn Trãi.

Đến đời Trần, Trần Thủ Độ bắt họ Lý đổi ra họ Nguyễn. Lý thuộc bộ mộc, ghép với chữ "y" hay quần áo thành bộ nhân.
Và đừng quên Trần Thủ Độ gốc họ Bùi. Và Bùi tức "ở trần" mà ra.

Thời nhà Mạc vì thất thế và tẩu tán nên đổi ra họ Hoàng (là vua), họ Phan, họ Nguyễn với tên đệm là Đăng (Mạc Đăng Dung). Và Nguyễn Hữu Chính là chi của họ Mạc.

Họ Cao do vụ án Cao Bá Quát phải đổi ra họ Kiều.

(Trần Gia Phụng – Dunglac.net)

Ăn mày chữ nghĩa

Một đứa bé hỏi Khổng Tử :

"Đúc đồng làm chuông, đẽo gỗ làm dùi, lấy dùi đánh chuông tiếng kêu boong - boong thì tiếng kêu ấy là gỗ kêu hay đồng kêu?"

Khổng Tử đáp: "Lấy dùi gõ vào tường vách không kêu, gõ vào chuông kêu, thế thì tiếng kêu ở như đồng."

Đứa bé hỏi: "Lấy dùi gõ vào đồng tiền trinh không kêu, thế thì có chắc tiếng kêu ở như đồng mà ra không?"

Khổng Tử nói: "Đồng tiền đặc, cái chuông rỗng, vậy tiếng kêu ở các đồ vật rỗng mà ra."

Đứa bé hỏi: "Lấy gỗ, lấy bùn làm chuông đánh không ra tiếng, thế thì có chắc tiếng kêu là ở đồ vật rỗng mà ra không?"

Đứa bé cười bảo: "Thế thì cho ông là người học rộng hiểu nhiều thế nào được".

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ước gì em hóa thành trâu

Anh là con đĩa anh bầu lên đùi

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật được bộc lộ...

"Tôi xa mình ông trời nắng tôi nói mưa

Canh ba tôi nói sáng, giữa trưa tôi nói chiều"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Giai thoại làng văn

Ban Mai : Ông có thể cho biết, sau tháng 4 năm 1975 khi chấm dứt chiến tranh, với chính sách sai lầm "đốt sạch tàn dư chế độ Mỹ-Ngụy" các nhà văn Miền Nam đã có những năm tháng như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra đối với ông, bạn bè ông?

Thế Phong : Đầu tiên, Nhà sách Khai Trí lớn bậc nhất của Saigon, bị đốt sách, sau nhà bị Quân Quân tịch thu. Chủ nhà sách Khai Trí, theo tôi biết, có tới 3, 4 căn nhà lớn - 2 ở đường Lê Lợi, kho sách ở gần rạp Cathay, một ở trên đường Pasteur..v..v.. Ông nằm chung danh sách "đi học tập cải tạo", khi được thả về, ông được con bảo lãnh sang Mỹ, lại quay trở về Saigon, đem theo một số sách, báo (khoảng 2000 cuốn) - lại bị tịch thu. Ông in một loại sách vô thưởng vô phạt, thơ tình xưa và nay..v..v.. rồi chết tại quê nhà. Tôi cảm phục nhất - ông sống đời sống một người bình thường - không vì tiền của, nhà cửa bị mất mà phát "điên"!

(Ban Mai – Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong)

Chữ Việt lạ kỳ

Từ âm "trát" của chữ Hán có nghĩa là chớp mắt.

Ta có thêm chớp mắt, chép miệng, chặc lưỡi, hay hôn chùn chụt, bú chùn chụt đầy tượng thanh, tượng hình của môi và lưỡi.

Thiên Thai và Đào Nguyên

Câu hát trong nhạc phẩm *Thiên Thai* của Văn Cao:
“...nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên...”

Thiên Thai và *Đào Nguyên* là hai tích của Tàu khác nhau.

Thiên Thai: Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc ở núi Thiên Thai (*không có rừng đào*) và gặp tiên nữ nên duyên vợ chồng. Sau về thăm nhà thì đã thấy làng quê đổi khác, cách biệt cả mấy đời khi hai chàng ra đi. Lưu Nguyễn muốn trở lại Thiên Thai thì đã mất dấu tích.

Đào Nguyên: Tích từ bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm (365-427), chuyện về một người đánh cá đi thuyền lạc tới một suối, rừng hoa đào đẹp như cõi tiên. Khi về, muốn trở lại động đào nhưng cũng lại lạc mất dấu...

(Trần Trúc Lâm – Đào Xuân nói chuyện Thiên Thai)

Sinh ký tử quy

Ý nói sống gửi thác về. Người ta cho rằng cuộc sống này là nơi gửi tạm tấm thân, đến lúc nằm xuống trả thân xác về cho cát bụi mới thật là cuộc đời vĩnh cửu của con người được yên nghỉ, không phiền lụy.

Thơ bà Hồ Xuân Hương có câu “*Sinh ký chàng ơi, tử tắc quy*”.

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Nhà Bè hay là nơi mà con sông Đồng Nai gặp con sông Sài Gòn cũng gọi là sông Bến Nghé. Ngày xưa ở chỗ ấy ông Thủ khoa Hườn có lập nhà bè để bồ thí lúa gạo cho những kẻ lỡ đường và ngày nay còn vọng lại mấy câu hò tình tứ của cô lái miền quê:

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về!*

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

“Đã nhậu là cậu ông Giời
Nên người quân tử chẳng mời cũng... dzô”

Chữ nghĩa máy vi tính

Xưa, giai thoại được truyền miệng từ người này sang người khác nên được gọi là văn học dân gian. Nay, chuyện dân gian được nhật nhật trên internet...

Theo trung tâm dự báo thời tiết, các tỉnh miền Đông Nam Bộ:

Đêm không nắng, ngày vắng sao, nhiệt độ thấp nhất trong phòng máy lạnh là 16 độ, nhiệt độ sôi của nước là 100 độ.

Con nhận, con cò

Trong *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn khi tả cảnh người chinh phụ theo dõi bóng người chinh phu có câu: “Nam lai tỉnh áp bán phong trần – Lạc nhật bình sa *nhận* nhất quần”.

Bà Đoàn Thị Điểm dịch thoát là: “*Nhà thôn mấy xóm chồng chênh – Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm*”.

Tại sao “nhận” lại biến thành “cò”.

Vì rằng chim nhận bay có thứ tự nên gọi là “nhận tự”. Mùa thu đi, mùa xuân lại nên còn gọi là “hậu điều”.

Ta còn gọi là *con mòng*.
Mòng, họ cò, nên bà Đoàn Thị Điểm đã dùng “cò” là thế.

(Thiều Chửu)

Địa danh miền Nam

Châu Đốc: Phát hiện năm 1942. Từ tháng 2 đến tháng 4/1944 được Louis Malleret, nhà khảo cổ người Pháp, khai quật lần đầu ở nhiều địa điểm khác nhau *trên cánh đồng Óc Eo bên chân núi Ba Thê – Châu Đốc*. Những công bố sau đó của ông về *bằng chứng của vương quốc Phù Nam cổ xưa*, ước vào đầu công nguyên đến thế kỷ VII, đã bị tiêu diệt.

Vùng đất miền Nam đã thành hình trong lịch sử Việt Nam chỉ vào khoảng 400 năm, kể từ thế kỷ XVII. Trước thế kỷ thứ VI, đây là một vùng đất hoang vu thuộc Vương quốc Phù Nam. Trường Viễn Đông Bác Cổ, sau cuộc khám phá các di tích ở vùng núi Ba Thê-Châu Đốc) đã gọi thời này là nền văn minh Óc Eo. Sau thế kỷ thứ VI, sắc tộc Kambuja từ miền Bắc tràn xuống đã phá tan vương quốc Phù Nam và thành lập vương quốc Chân Lạp. Vương quốc Chân Lạp đã nổi tiếng vì sự nghiệp xây dựng một kỳ công kiến trúc: đền đài Angkor vào thế kỷ XII! Vương quốc Chân Lạp đã suy yếu vì những cuộc tranh dành nội bộ cộng với sự lấn chiếm của lân quốc Xiêm. Họ đã phải ba lần dời đô, từ bỏ Angkor để qua Oudong và sau cùng dừng lại ở Phnom Penh. Vì vậy có thể nói, xưa kia Châu Đốc là cố đô của vương quốc Phù Nam.

(Trần Ngươn Phiêu – Cù Lao Phố)

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật...

"Trời xanh bông trắng nhụy huỳnh
Đội ơn bà ngoại để má, má để mình dễ thương".

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Địa danh miền Nam

Đồng Tháp Mười: Địa danh một vùng rộng lớn không có ranh giới rõ ràng ở đồng bằng sông Cửu Long.

Theo phát hiện lịch sử khảo cổ học:

Tháp Mười là một trong những ngôi tháp bằng đá, do vua Jayavarman VII (1181 - 1218) xây cất trên khắp lãnh thổ để thờ vị thần Bàlamôn Lockevara. Năm 1932, nhà khảo cổ người Pháp là Parmentier vào Tháp Mười và đã phát hiện ra ngôi tháp đồ sộ, còn sót lại một tượng sư tử và một linh phù (linga) bằng đá, dưới bệ đá có khắc chữ Bắc phạn (sanskrit) ghi tên tháp thứ 10.

Chữ và nghĩa

Tú tài : người tài giỏi.
Cử nhân : đề bạt người.
Tiến sĩ : dâng người lên vua.

Văn Bắc, văn Nam

Về sự tiếp nhận văn hoá Trung Hoa, từ Bắc vào Nam, vẫn có sự khác biệt, thời nào cũng vậy những tác gia văn học lớn, những sự kiện văn học lớn thường xuất hiện ở ngoài Bắc: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú

Xương, Tản Đà, Thơ mới lãng mạn, Tự lực văn đoàn, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao.

Cho nên chủ nghĩa thực dân xâm nhập vào miền Nam rất sớm, ngay từ cuối thế kỷ XX.

Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Quản đã là những trí thức Tây học và đã viết văn quốc ngữ theo bút pháp phương Tây hiện đại. Như vậy là cái tôi cá nhân đã có điều kiện thức tỉnh rất sớm. Vậy mà tiếng nói văn chương của nó phải đợi đến những năm 30 của thế kỷ XX mới thực sự ra đời với văn thơ miền Bắc. Ở Nam bộ, theo Xuân Diệu, cái tôi cá nhân chỉ có thể cất lên thành ca cải lương trên cơ sở nhạc tài tử ở miền Lục tỉnh.

Nhà văn đích thực của Nam bộ cao nhất chỉ đến Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Sơn Nam. Văn Nam bộ hay nhất không ở tư tưởng mới lạ mà ở thứ ngôn ngữ địa phương bộc trực, chắc khỏe, góc cạnh, đầy sức sống. Nhưng các tác giả thường lạm dụng thứ ngôn ngữ ấy khiến văn của họ trở nên thiếu trong sáng, khó đạt tới trình độ chuẩn mực cổ điển.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Gác cu và cầm châu

Hỏi : Người xưa có câu:

*"Ở đời có bốn cái ngu
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu"*

Làm mai, lãnh nợ thì dễ hiểu rồi. Chỉ có gác cu và cầm châu, tại sao cũng được xếp vào bốn cái ngu. Không lẽ gác cu không chỉ đơn giản là gác chim và cầm châu không chỉ đơn giản là vỗ tay khen sao? Có ai biết giải thích dùm cái coi.

Đáp : Gớm, bác lấy câu lấy cú ở đâu ra nhiều thế hả...

Gác cu : cực lắm chứ? Nhiều khi ăn chực nằm chờ dầm mưa dãi nắng đến mấy ngày mới thấy con... cu chui vô ... lồng 🤔

Cầm châu : Nếu khổ trống khen chê không đúng chỗ là thiên hạ từ đào kép cho đến khán thính giả chê là... thấp lè tè. Tóm lại là chết nhiều hơn sống. Chả nhẽ đúng hoài!

Xét cho cùng vì đi "ôm cái đồng" vào người cho dễ bị chúng chửi hoặc đổ thừa nên "được" gọi là 4 cái ngu nhưng đối với nhiều người thì đó là những trò... giải trí để đam mê, thật hứng khởi!

(Nguồn ĐatViet.com)

Ông Khai Trí...

Ông có thú đam mê ký lạ về sách. Ngay từ nhỏ học tiểu học, mẹ cho hai đồng ăn sáng thì ông ăn xôi một đồng, còn một đồng mua tờ báo. Lên trung học, ông nhịn ăn cả tuần để dành tiền mua sách. Sau này cuộc đời ông gắn bó với sách, với chiếc xe đạp tà tà , ông la cà những tiệm sách cũ xa, gần, ông biết rõ những quầy sách to, nhỏ, sách mới hay cũ, thường hay hiếm . Ông hay đến phòng đấu giá mua từng chồng với giá rẻ, quyển nào thích giữ lại, còn thì mang gửi tiệm sách bán, cứ thế dôi ra một ít. Ông lại liên lạc với nhà xuất bản bên Pháp mua sách về và gây dựng nên tiệm sách và nhà xuất bản Khai Trí ở số 60-62 Lê Lợi.

Ông với vẻ ngoài ít nói, và dường như hơi cục mịch nhưng tốt bụng, ông giúp đỡ rất nhiều văn nghệ sĩ và học sinh, sinh viên nghèo ham học. Ít ai biết tên ông là gì ngoài gọi là ông Khai Trí. Tên thật ông là Nguyễn Hùng Trương, mất ngày 12.3.2005.

(Hoàng Ngọc Liên – báo Sài Gòn Nhỏ)

Già làng

Xưa, lễ lên lão được gọi là “*ra lão*” hay “*xuất lão*”. Ca dao có câu “*Xuất lão vô sự, mữ ni che tai, gác bỏ sự đời*” hay nôm na là “sống lâu lên lão làng” nên gọi là “*già làng*”. “*Triều đình trọng tước, hương đảng trọng xỉ*”, nên nhiều làng còn gọi già làng là quan lão hay “*xỉ tước*”: Xỉ là răng (tức gậy răng).

Khi làng có việc, tùy theo tuổi tác, già làng được ngồi ngang hàng với các quan viên chức sắc và quy định là 60 tuổi được ngồi với tú tài. 70 tuổi ngang với cử nhân. 80 tuổi ngang với tiến sĩ.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Tục ngữ Ta và Tàu

Biết thì thừa thốt, không biết thì dự cột mà nghe.

Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri
(Biết thì nói là biết, không biết nói là không biết, mới là biết)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Truyện chớp

Tôi nhìn đồng hồ *hai cửa sổ không người lái* trên tay, bây giờ đã 6 giờ sáng. *Bật kênh phát sóng số 3* nghe *bản thông tin*, TV tiên đoán hôm nay *có khả năng* mưa. Vẫn còn quá sớm để thức dậy, nhất là hôm nay Thứ Bảy tôi không phải *động não đi quảng trường quy hoạch quy trình* cho nhân viên được *quán triệt phương án*, tôi ráng *động viên* cơ thể đứng dậy, bước ra khỏi giường.

(Nguyễn Tài Ngọc - Tình yêu phai nhạt)

Chữ nghĩa biên khảo: Họ và tên

Chuyện họ tên ở nước ta bắt đầu lộn xộn từ bao giờ? Nói khác đi, tục ban họ vua ở nước ta có từ bao giờ? Năm 1232, Trần Thái Tông ban những chữ quốc húy và miếu húy. Vì cha tên là Lý nên bắt tất cả những người họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn. Nguyên nhân sâu xa là để tuyệt lòng mong nhớ của dân đối với nhà Lý.

Không hiểu lòng dân mong nhớ ra sao mà đến nỗi để xảy ra một thảm họa.

Khi ấy Trần Thủ Độ chuyên chính, giết Huệ Tông, khiến tôn thất nhà Lý bùi ngùi thất vọng. Mùa đông năm 1232, nhân dịp người họ Lý làm lễ cúng các vua Lý đời trước ở thôn Thái Dương xã Hoa Lâm, Thủ Độ sai người ngằm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi người ta uống rượu say, giật máy chôn sống hết. Bị tàn sát chỉ vì mang họ Lý!

Đời Trần Nhân Tông (1282), có con cá sấu đến sông Lô, vua sai hình bộ thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn tế ném xuống sông. Cá sấu tự nhiên bỏ đi. Vua cho việc này giống việc của Hàn Dũ, bèn cho Nguyễn Thuyên đổi họ thành Hàn Thuyên.

Hồ Quý Ly vốn họ Hồ, được Lê Huấn nhận làm con nuôi và cho đổi sang họ Lê. Đến khi cướp được ngôi nhà Trần, lại bỏ họ Lê lấy lại họ Hồ. Sử chép rằng năm 1400, Trần Văn và Trần Tùng được Hồ Quý Ly ban họ Hồ. Rất có thể Hồ Quý Ly là người đầu tiên nhập cảng trò ban họ vua vào nước ta.

Năm 1460, Lê Thánh Tông bắt người họ Trần phải kiêng húy, đổi thành họ Trình.

Minh Mạng nhà Nguyễn có 142 người con. Để tránh rắc rối cho đời sau, ông có sáng kiến làm một bài thơ 20 chữ (Miên, Hồng, Ưng, Bửu, Vĩnh...Thế, Thụy), mỗi chữ sẽ được dùng làm

tên đệm cho một thế hệ con trai. Chỉ những người có tên đệm kiểu này mới thuộc dòng chính thống, mới có thể được lên làm vua.

Được vài đời, có người cách tân, dùng chữ đệm thay cho họ. Từ đây, xảy ra trường hợp cha và con mang họ khác nhau: ông Ưng A, đặt tên con là Bửu B. Con Bửu B sẽ có tên là Vĩnh C, v..v..

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Hồng Lâu Mộng

Hồng lâu mộng (hay tên gốc Thạch đầu ký) là một trong bốn kiệt tác (tứ đại kỳ thư) của văn học cổ điển Tàu (3 kiệt tác kia là Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Tây du kí của Ngô Thừa Ân và Thủy Hử của Thi Nại Am). Tác phẩm được Tào Tuyết Cần sáng tác trong khoảng thời gian giữa thế kỉ 18 triều đại nhà Thanh của Trung Hoa.

Tác phẩm xoay quanh câu chuyện tình duyên trắc trở giữa hai anh em con cô con cậu: Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, từ đó mô tả cuộc sống nhiều mặt của một đại gia đình quý tộc đời Minh từ lúc cực thịnh cho đến lúc suy vi trong vòng tám năm. Với hơn 100 triệu bản được xuất bản, tiểu thuyết này trở thành một trong những sách bán chạy nhất của mọi thời đại.

Tứ thời bát tiết

Tứ thời (4 mùa) : Xuân, hạ, thu, đông.

Bát tiết (8 tiết trong năm) : Gồm “tứ lập” và “nhị phân, nhị chí”.

Tứ lập (đầu mùa) : Lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông.

Nhị phân, nhị chí (cuối mùa) : Xuân phân, thu phân,
hạ chí, đông chí.

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

Giai thoại nhà thơ

Nguyễn Nhược Pháp tác giả bài thơ *Chùa hương*, ông là con cụ Nguyễn Văn Vĩnh. Cụ là bạn thân của bố cô Thanh Tú. Cô Thanh Tú mê Nguyễn Nhược Pháp nhưng là mối tình một chiều. Nguyễn Vỹ là bạn nên hỏi sao không yêu Nguyễn Nhược Pháp trả lời:

- Cô ấy không có ngực thì làm sao tôi yêu được!
- Thế tình yêu ở ngực à.
- Nhưng chính ở bộ ngực ấy ta mới sờ được tình yêu.

(Trà Lũ – Văn Nghệ Tiền Phong)

Địa danh miền Nam

Mỏ Cà: Hồi lưu dân người Việt mới vào đất Gia Định lập nghiệp, đất đai ở đây rộng rãi, hoang vu, khắp nơi là rừng rậm, dày rịt với nhiều thú dữ, rất rết, chim muông. Trong các loài thú dữ, người ta hãi nhất là cọp. Một hôm, chàng trai nọ đi cà, sau khi xong buổi cà, chàng thả trâu ăn cỏ. Đến chiều chàng đánh mõ lên để gọi trâu về chuồng. Không ngờ, lúc ấy có một con cọp đang rình. Nhưng rất may, chàng trai này nhìn thấy nó, trong lúc hoảng sợ, chàng không biết làm gì hơn là đánh mõ lớn lên và liên tục. Tiếng mõ làm cho con cọp hoảng hồn, cong đuôi chạy vào rừng. Những người đi đồn củi nghe tiếng mõ, rồi thấy cọp chạy như loạn rừng, kinh ngạc vì cọp sợ tiếng mõ. Từ đó về sau, dân ở đây khi đi cà thường mang theo mõ để đuổi cọp và vùng này cũng được gọi là vùng Mỏ Cà. Mỏ Cà, nhưng người Nam Bộ vẫn nói là Mỏ Cà lâu ngày thành quen. Nay Mỏ Cà là một huyện của tỉnh Bến Tre.

Bài thơ Chùa Hương Tích

Trong cuốn *Thi văn bình chú* của Trúc Khê xuất bản thời thập niên 1940 có bài *Chùa Hương Tích* mà khi bình giải ông ghi tác giả bài thơ là vua Lê Thánh Tông.

Thực ra căn cứ theo thân phủ của nhà chùa thì chùa được xây dựng thời Chính Hòa (1680 - 1705) và vua Lê Thánh Tông mất từ năm 1497 không thể là tác giả bài thơ được. Trần Văn Tích đã nêu lên sự sai lầm này và rất nhiều sai lầm khác của nhiều tác phẩm đáng tin cậy của ông cha chúng ta trong cuốn *Sự muôn năm cũ* do Nxb Làng Văn in năm 1992.

(Đặng Trần Huân - Cái khó khăn của người biên khảo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Bắc ngời bia bọt, Nam nhậu lade

Bắc bụi bụi lạc rang, Nam thơm thơm đậu phụng

Chữ Việt gốc Thái

Con chuột có thể từ tiếng Thái là “chuat”?

Địa danh miền Nam

Bà Rịa: Khoảng năm 1680, dưới thời chúa Hiền Vương Nguyễn Phước Tần, một số nông dân ở Phú Yên vào Nam, trong đó có gia đình một nông dân nghèo có cô con gái tên là Rịa, lúc ấy 15 tuổi. Điểm dừng chân đầu tiên của nhóm lưu dân này là vùng Mỹ Khê (khu vực Tam Phước ngày nay). Thửa ấy, núi non rừng rậm, nước mặn và nhiều nguy nan, nên việc khai hoang lập địa rất vất vả, không ít người kiệt sức và bỏ cuộc. Bà Rịa là người ở lại cố gắng làm việc để tạo nên một vùng đất như hiện nay.

Chúa Nguyễn đã ra lệnh sắc phong cho bà "hàm Nghè" và cho ăn theo họ Nguyễn. Từ đó, bà trở thành bà Nghè Nguyễn Thị Rịa. Bà Rịa mất vào khoảng năm 1759 (thời chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát) thọ 94 tuổi. Để nhớ công ơn bà, người đời sau dùng tên bà đặt cho vùng đất rộng lớn - tỉnh Bà Rịa ngày nay.

Bỉ sắc tư phong

Bỉ : cái kia. Sắc : ít. Tư : cái này. Phong : nhiều.

Bỉ sắc tư phong có nghĩa là khi cái kia kém-ít, thì cái này hơn-nhiều, được cái nọ thì hỏng cái kia, không ai được hoàn toàn.

Trong câu thơ thứ 5 và 6 của Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết :

Lạ gì Bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen

Trời xanh để đối với má hồng, do vậy má hồng ở đây không chỉ nói riêng về đàn bà, mà nói chung là người có một điều gì đó nổi bật như là tài, sắc.... Ông Trời sẽ đi theo đánh ghen và đày đọa người có tài có sắc.

(Phiếm luận về Bỉ sắc tư phong – Võ Hữu Nghĩa)

Văn học miền Nam nhìn từ miền Bắc

Tôi (Hoàng Ngọc Hiến) đọc văn học Việt Nam hải ngoại, không có thời gian để *ngiên cứu*. Có lần gặp nhà văn Tô Hoài, ông đưa tôi xem một cuốn sách và nói: “Tôi mới mượn được bộ tiểu thuyết này, lời giới thiệu viết rất hay”. Lần sau gặp lại ông nói với tôi: “Hoá ra người viết bài giới thiệu chưa đọc tác phẩm”. Như vậy nghiên cứu mất thì giờ hơn nhưng có khi dễ hơn đọc, vì có thể chưa đọc mà vẫn có thể viết được một bài nghiên cứu...“rất hay”.

(Hoàng Ngọc Hiến – Đọc văn học Việt Nam hải ngoại)

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật hết sức ngộ nghĩnh, dí dỏm:

"Con ếch ngồi dựa gốc bưng
Nó kêu cái "quệt", biểu ửng cho rồi"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Địa danh miền Nam

Gò Vấp: Vùng đất xưa kia trồng cây vấp (Kraik: vấp), được coi như thân mộc của người Chăm.

Vì trồng cây vấp trên những gò đất nên vùng đất xưa này được gọi là Gò Vấp.

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Chữ nghĩa trên mạng lưới

Thời nhà văn cầm bút ở Việt Nam, những tiếng vọng liên tục từ phía độc giả có khả năng tạo nên những dư âm kỳ thú đưa cả tác giả lẫn tác phẩm vào một cuộc phiêu lưu mới.

Còn ở trên mạng lưới điện tử thì làm gì có những tiếng vọng như thế? Nhiều lúc ngỡ chừng như nói vào ống điện thoại chưa nối đường dây. Lặng ngắt. Không nghe gì cả, kể cả một lời chê, một tiếng chửi, cũng không có. Hoàn toàn lặng ngắt. Tội.

(...phỏng theo Nguyễn Hưng Quốc - Sống và viết...)

Tiếng Việt...rày rà

Hỏi : Heo với lợn con nào ăn ngon hơn?

Đáp: Thiệt tình hồng hay!

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Yêu anh mấy núi cũng leo,
Mấy sông cũng lội, thấy anh nghèo... lại thôi.

Tiếng Tàu tiếng Việt

Theo Hồ Hữu Tường cung cấp thêm bằng chứng rằng người Việt Nam không thể di cư từ Trung Quốc theo hướng Nam tiến bằng việc đối sánh "tư tưởng" (the thought patterns) của người Tàu và người Việt Nam.

Nếu một người Trung Quốc nhìn một con ngựa trắng, ý nghĩ đầu tiên mà người Trung Quốc có là *nó màu trắng*, và sau đó ý nghĩa tiếp theo đến mới là nó là *một con ngựa*. Vì thế, họ gọi nó là một "*bạch mã*" (tức yếu tố "trắng" [bạch] đứng trước rồi mới đến yếu tố "ngựa" [mã]). Ông giải thích diễn trình này là sự dịch chuyển từ ý nghĩ chủ quan (trắng) đến một vật thể khách quan (ngựa).

Ngược lại, người Việt Nam sẽ nhận thức đối tượng trên theo chiều ngược lại. Trước hết ta sẽ chú ý đến một ý nghĩ khách quan, đó là có *một con ngựa*, và sau đó theo sau mới đến một quan sát mang tính chủ quan, tức là *nó màu trắng*.

Vì thế, ta gọi là “ngựa trắng.”

Địa danh miền Nam

Lái Thiêu: Truyền thuyết bắt nguồn từ chuyện ông lái góm họ Huỳnh đã *thieu* nhà vì say rượu.

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Viết hoa tu từ

Người ta tỏ ra phân vân, chẳng biết nên viết Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn hay viết chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Nếu viết hoa chữ "Chúa", thì phải viết Vua Lê, Vua Nguyễn. Nếu viết thường chữ "chúa", chữ "vua" ắt phải viết trạng Quỳnh, nghè Tân, đồ Chiểu...

(Nguồn : e-cadao.com)

Khởi đầu nan

Phàm việc gì mới đầu cũng thấy khó khăn, vất vả như “vạn sự khởi đầu nan”. Người Tàu đọc là “*khỉ* đầu nan”. Như câu “Lời rằng: vạn sự *khỉ* đầu nan”.

Bồ đào tửu

Về rượu nho, người Tàu chỉ biết đến khi người từ Tây Vực đem tới trung nguyên. Sách Hậu Hán Thư có chép là “Nước Lật Dặc (Arab) có loại trái cây, vắt nước có vị ngon, làm rượu gọi là rượu bồ đào”. Người phương Tây đã biết làm rượu bằng trái nho (wine) từ thời cổ. Sách Cựu Ước (Old Testament) đề cập đến rượu tới 155 lần và người Hebrews đã từng tiếc rẻ không mang được rượu Ai Cập khi họ đi di cư. Người Hi Lạp thời cổ cũng uống rượu – và chính những thần minh trong huyền sử cũng đều thích uống rượu và ưa gái đẹp. Tuy đã biết đến rượu bồ đào từ đời Hán, mãi tới đời Đường (640 sau TL), khi Đường Thái Tông đem quân đánh nước Cao Xương (nay thuộc Tân Cương) người Trung Hoa mới học được phép làm rượu nho.

Địa danh miền Nam

Thủ Đức: *Thủ* xưa kia là chức vụ của quan văn như thủ bạ, thủ hộ lo việc thuế má và nhơn thế bộ.

Do đó một số địa danh được gọi để nhớ đến chức phận và tên những ông thủ bạ, thủ hộ này.

Như Thủ Đức, Thủ Thiêm, Thủ Thừa, Thủ Ngự, ..v..v..

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Giai thoại làng văn

Tôi nhớ ông thầy dạy triết học này (Nguyên Sa) có một câu để đời khi có người phê bình báo ông đạo này hơi xuống. Ông trả lời:

- “Tao” đi xuống hoài mà chả gặp đũa nào đi lên!

(Tạp chí Tân Văn)

Chữ và nghĩa

Anh thư, nữ anh hùng – Nhiều người dùng chữ anh thư khi nói về đàn bà con gái, thay cho chữ anh hùng dùng cho đàn ông con trai. Thực ra trong từ “anh hùng” có đủ yếu tố nam và nữ. Chữ Anh nghĩa là cái nhụy hoa, tượng trưng cho vẻ đẹp đẽ, cao quý. Hùng là con chim

được, là mạnh mẽ (cũng có chữ hùng viết cách khác nghĩa là con gấu nhưng không dùng trong từ này), thư là con chim mái, con gà mái. Cụ Nông Sơn Nguyễn Can Mộng (1880 – 1954) khuyên tránh dùng chữ anh thư, vì theo cụ chữ Thư không có nghĩa mạnh mẽ; cụ khuyên dùng chữ “nữ anh hùng,” trong đó chữ Hùng chỉ có ý nghĩa tượng trưng là sự mạnh mẽ. Tuy nhiên trong cuốn Việt Hán Thành Ngữ cụ vẫn đề hai chữ anh thư và giải thích dùng nó cho phụ nữ, như chữ anh hùng.

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

Địa danh miền Nam

Biên Hòa

Đất này xưa kia được gọi là Đông Phố. Nhưng đúng ra là Giãn Phố, vì hai chữ *Đông* và *Giãn* viết theo Tàu hơi giống nhau.

Biên Hòa có nghĩa là “*hòa*” bình ở “*biên*” cương (với Chân Lạp).

Trên Biên Hòa là Hố Nai (hố sập nai).

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Tận tìn thư bất như vô thư

Nhớ cái thời đi học, và nếu như...đừng có phải học mấy bài thơ Đường đầy điển tích bí hiểm thì khỏe biết mấy. Có lần đầu bài được ra bằng...tiếng Việt : *Nói có sách, mách có chứng*, cũng bị... tắc tị bèn mang bài ra hỏi bố. Bố giảng : *Nói có sách, mách có chứng* nghĩa là ăn nói phải có bằng chứng. Nếu mà cứ bô bô mà không chứng minh gì cả thì như vậy chỉ là nói suông. Nhưng moi đâu ra bằng chứng ? Phải đọc sách.

Dường như tôi bắt đầu lờ mờ hiểu. Tự hào chưa được bao lâu, tôi lại bị đẩy lùi về cái gốc dốt của mình. Đầu bài trong lớp bây giờ là *Tận tìn thư bất như vô thư*. Khổ chưa! Lại chữ nghĩa thánh hiền ! Tôi chỉ hiểu chữ thư là...thư từ ! Tìn thư là...thư tìn. Tàu và ta nói ngược nhau. BỐ ! Thầy bộp tai. Thầy nghiêm giọng : *Tận tìn thư bất như vô thư* là câu nói của Mạnh Tử, nghĩa là " Đọc sách mà tin sách đến cùng thì không bằng không đọc sách ". Ờ cụ Mạnh ời, sao cụ ác thế !

Lại phải cầu cứu bố. Nghe bố giảng, tôi ù ù cạc cạc, có cảm tưởng như bố nói ngược lại lần trước: *Nói có sách, mách có chứng* nhưng phải kèm thêm là sách viết đúng. Nếu mà cứ dựa vào một quyển sách viết sai mà gân cổ lên cãi thì còn tệ hơn là mà không đọc quyển sách ấy. Nhưng làm gì có sách viết sai ?

Có chứ. Cùng một bài thơ mà được gán cho hai tác giả thì chắc chắn phải có người sai rồi. Nhưng làm thế nào để biết là sai ? Phải nghe nhiều người nói, phải xem nhiều sách thì mới thấy ai đúng ai sai. Thế còn người đầu tiên thì sao? Câu hỏi của mà khó trả lời. Muốn biết người đầu tiên nói đúng hay sai thì phải chờ thời gian mới biết được. Lâu ngày mà không có ai nói khác thì có thể được coi là đúng. Đúng tới ngày nào có người vạch ra chỗ sai. Nguy hiểm nhất là người đầu tiên nói sai rồi người khác lặp lại như đàn vịt. Đây cũng là *Nói có sách, mách có chứng* nhưng phải xếp vào loại...nói bậy.

Hoang mang quá! Đọc sách để học, để biết. Nhớ đọc phải sách viết sai thì hoá ra học sai, biết bậy. Đúng rồi ! Đúng là...đừng đọc, đừng biết còn hơn ! *Tận tìn thư bất như vô thư* là vậy !

(phỏng theo Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Chữ Tàu, chữ ta

Tôi tâm phục khẩu phục người Tàu quá vì họ gọi đầu vú nhão là “*kê đầu nhục*”, nghĩa là giống như miếng thịt ở chỗ đầu gà.

Tôi lại khẩu phục tâm phục các cụ ta quá, các cụ xưa nói cấm chửi sai bao giờ là vú đẹp thì phải cong lên như sừng trâu. Phải cong lên như chữ “tâm” trong tiếng Tàu: “Lưng chữ cụ, vú chữ tâm”.

(Trà Lũ – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Tín ngưỡng phồn thực

Phồn là nhiều – *Thực* là nảy nở.

Tín ngưỡng phồn thực từng tồn tại cả một chiều dài lịch sử và có hai dạng biểu hiện:

- Thờ cơ quan sinh dục nam nữ.
- Thờ tượng bản thân hành vi giao phối.

Ở Văn Điển, Hà Nội và nhà mồ ở huyện Chu Pa, người ta tìm thấy tượng đá có niên đại khoảng 1500 năm trước công nguyên tạc hai người nam nữ đang giao phối.

Việc thờ cơ quan sinh dục nam nữ gọi là thờ “*sinh thực khí*”.

Sinh : đẻ - Thực : nảy nở - Khí : công cụ.

Ở nhiều địa phương có tục thờ cúng “*nữ nường*”:

Nữ : Cái nôm tượng trưng cho nam - *Nường* : Cái mo nang tượng trưng cho nữ.

Dân gian có câu hát: “*Ba mươi sáu cái nữ nường – Cái để đầu giường, cái để gối tay*”. Ngoài ra có nơi dùng cái chày, cái cối tượng trưng cho sinh thực khí nam nữ với phong tục “giã cối đón dâu”: Nhà trai bày chày và cối trước cổng. Khi đón dâu về đến nơi thì người nhà trai cầm cái chày giã không vào cối mấy tiếng. Đó là nghi lễ cầu chúc cho vợ chồng trẻ sinh con đẻ cái.

Cha

Ta thử xét qua chế độ mẫu hệ của ta bằng vào danh từ *Cha*.

Sách *Tiền Hán Thư* viết rằng ta không có tình cha con. Thế nghĩa là thừa ấy ta còn theo mẫu hệ như người Chăm ngày nay, mà còn tệ hơn nữa là người Chăm ngày nay, tuy còn theo mẹ, nhưng vẫn biết cha, vì vợ chồng sống chung với nhau, còn *Tiền Hán Thư* thì cho rằng ta “*không biết đạo vợ chồng, vì vợ chồng chỉ lấy nhau (vì sinh lý) mà không có sống chung với nhau*”.

Thế sao ta lại có danh từ *cha*? Danh từ này, Quan thoại là *Fuá tsí*, Quảng-đông là *Fù tsánh*, Hán Việt là *Phụ thân*. Xem ra thì danh từ *cha* của ta không phải do tiếng Tàu mà ra.

Quan-thoại và Quảng-đông đều có Pà, Pá, tức cũng là Cha đó, mà đó không phải là danh từ để chỉ ai, mà là đại-danh- từ của con xưng hô với cha; ta cũng đã vay mượn *Pa, Pá*, biến thành *Bố* (Bắc Việt), thành *Ba* (Nam Việt), còn *Cha* thì khó có thể là một biến thể thứ ba của *Pá* được.

(Bình Nguyên Lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Ăn phở : Tô hủ tíu mì Sài Gòn được bung ra với tô được đặt trên chiếc đĩa. Bát phở gà Hà Nội được mang ra với ngón tay cái của con bé bung bê thò vào nước dùng của bát phở.

Địa danh miền Nam

Sài Gòn Gia Định Biên Hòa

Sử Việt Nam lần đầu tiên nói đến Saigon Chợ Lớn là vào năm 1674 khi Nặc Ông Đài đuổi vua Nặc Ông Nộn (Neac Ang Non), tiến xuống chiếm lũy Saigon. Nộn cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn đem binh đánh. Đài thua và tử trận. Chúa Nguyễn phong cho Nặc Ông Thu làm Cao Miên quốc vương ngự trị ở thành Oudong, còn Nặc Ông Nộn làm phó vương ngự trị ở Saigon. Doanh trại Nặc Ông Nộn có lẽ là ở vùng từ chùa Cây Mai tới trường đua Phú Nhà khảo cổ Pháp Malleret cho biết cung điện này mà người Việt gọi là “Tây cung” (cung điện phía tây) gần Chợ Lớn để phân biệt với thành Saigon ở Bến Nghé phía đông, và từ “Tây Cung” sau này để chỉ Chợ Lớn.

Theo Trương Vĩnh Ký, trước 1680, Saigon chỉ là một làng Khmer nhỏ. Năm 1680, Saigon là địa điểm của vua thứ hai Khmer (Nặc Ông Nộn), vị vua chính (Nặc Ông Thu ở bên Cambodge. Đây cũng là thời gian hai tướng nhà Minh dẫn 3000 quân, cùng gia đình vào lập nghiệp sau khi được chúa Nguyễn cho phép. Tướng Trần Thượng Xuyên dẫn một đoàn đến Cù Lao Phố (Biên Hòa).

Như vậy vùng đất Saigon-Gia Định vào giữa thế kỷ 17 và 18 đã có người Chăm, lưu dân Việt, Hoa và người Khmer cư ngụ cùng với những người bản xứ người Mạ và người Stieng (sau này người Pháp gọi họ là “mạ”) chủ nhân cũ của huyện Tân Bình (Sài Gòn), dinh Phiên Trấn (Gia Định), dinh Trấn Biên (Biên Hòa).

(Nguyễn Đức Hiệp - Saigon Chợ Lớn: thế kỷ 17 đến thế kỷ 18)

Chữ nghĩa với ca dao dân gian

“Hỡi người đi đó xinh thay
Có khuôn đúc tượng, cho anh đây đúc cùng”.

Và được trả lời:

“Người sao ăn nói lạ lùng
Khuôn ai nấy đúc, đúc cùng ai cho!”.

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật...

"Chẳng thà lặn xuống giếng cái "chũm"
Chết ngum rồi đời
Sống chi đây chịu chữ mò côi
Loan xa phượng cách biết đứng ngồi với ai?"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Chữ nghĩa trên mạng

Đọc được lời nói chuyện của hai tuổi “teen” trên net tuyển bạn gái:

“hog (không) cần tiêu chuẩn chỉ cần dễ nhìn + thấp hơn tớ 1 tý – tớ cao 1.75m, nặng 68kg...chỉ cần dễ nhìn, chịu chơi, chịu chi và biết xxx – cảm ơn mọi người trước nha”

Địa danh miền Nam

Biên Hòa

Năm 1620, với ý định tìm đồng minh liên kết để chống trả vương quốc Xiêm, vua Chey Chetta II đã đến đất Thuận Hóa, xin cầu hôn cưới công chúa Nguyễn Ngọc Vạn, con của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Chuyện cưới gả này cũng là dịp để Chúa Nguyễn có thêm được tài nguyên ở miền Nam nói chung và Cù Lao Phố nói riêng.

Năm 1679, với cuộc di dân của hơn ba ngàn quan binh Minh triều, không chấp nhận sống dưới triều Mãn Thanh. Xuôi về Nam trên 50 chiến thuyền, họ đã đến xin chúa Nguyễn Phúc Tần chấp nhận cho nơi cư trú. Chúa Nguyễn ưng thuận cho tướng Trần Thượng Xuyên chọn vùng Đồng Nai-Gia Định để khai khẩn. (Nhóm thứ hai do Dương Ngạn Địch chọn vùng Mỹ Tho- Cao Lãnh làm đất dung thân). Trần Thượng Xuyên và các bộ hạ đã chọn vùng Cù Lao Phố để thành lập và phát triển thành Nông Nại Đại Phố, một thương cảng sầm uất. Khúc sông Đồng Nai, vùng Cù Lao Phố từ đó, đã được biết với danh xưng mới: Sông Phố. Cù Lao Phố mang nhiều tên gọi khác nhau. Ngoài tên Nông Nại Đại Phố, còn có các tên: Đông Phố, Giản Phố, v...v...

Trần Thượng Xuyên đã giúp Chúa Nguyễn trong nhiều trận đánh dẹp Cao Miên, mở rộng biên cương miền Nam. Năm 1690, ông đã cùng với Mai Vạn Long đánh bại và bắt được Nặc Ông Chân, chiếm Nam Vang. Năm 1700, ông đã giúp Nguyễn Hữu Cảnh tiến đánh vua Chân Lạp lần thứ hai. Sau cuộc hành quân này, biên cương Đàng Trong đã được mở rộng thêm từ Biên Hòa đến tận Định Tường, Long Hồ và An Giang. Năm 1720, Trần Thượng Xuyên qua đời, được phong Thượng đẳng thần, được tôn thờ ở đình Tân Lâm, xây bên bờ sông Đồng Nai, cạnh chợ Biên Hòa. Hằng năm dân chúng vùng này vẫn lấy ngày ông mất tức 23 tháng 10 âm lịch để làm ngày giỗ Đức Ông.

(Trần Ngươn Phiêu – Cù Lao Phố)

Đố vui để học I

Hỏi: Con gì càng lớn càng nhỏ?

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Tiếng Việt Miền Nam nè:

Ăn cơm gọi đi coi bói. Mua cá gô bỏ trong gỏ nó kêu gỏ gỏ.

(Nguồn ĐatViet.com)

Đố vui để học II

Đáp: Con cua.

Tết với tiếng Việt tiếng Tàu

Xưa nay có nhiều cho là chữ “Tết” là “tiết của Tàu. Thực ra thì, *tiết* với người Tàu gọi thời tiết thay đổi trong một năm. Và tết nguyên đán họ gọi là “duyn tẩn”. Sau đây là một số từ ngữ chỉ về *Tết* của những dân tộc trong vùng Đông Nam Á: Nùng (Tét), Mường (Thết), Thái (Thêts) Chàm (Tít), Mon (Kteh), Khmer (Chêtr). Nói chung gần như tất cả đều có âm gần với...*tết*.

Chúng ta thường nghe nói “ăn Tết, ngày Tết, ba ngày Tết, Tết nhất, tết đến, chúc tết, đi tết ai, pháo Tết, Tết ta, Tết tây..”, chứ không ai nói là Tết tàu! Giả sử là Tàu không có chữ ..*tết*. Sau khi bạn xem qua bài viết trên đây, bạn có còn nghĩ rằng *Tết* là do chữ “*tiết*” của Tàu mà ra nữa không ?

Câu đố tình tự (I)

Xưa kia em trắng như ngà
Bởi chưng ngủ lắm em đà đen thâm
Lúc bần chàng đánh chàng dâm
Đến khi rửa sạch chàng nằm lên trên

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Vào nhà hàng

Sài Gòn: Vâng em làm ngay đây

Hà Nội: Gì mà cà cưỡng lên thế! Muốn nhanh sang hàng khác!

Câu đố tình tự (I)

- Cái chiếu

Hèm và hội

Hèm là một hành động nghi lễ nhằm diễn lại một quãng đời “đặc biệt” của thần hay thần hoàng lúc sinh thời như thần hoàng “ăn mày, “ăn trộm”, v..v...(hoặc mang tính cá biệt rất tiêu biểu)

Hội là sinh hoạt dân dã phóng khoáng, dân làng bình đẳng vui chơi trò chơi, trò diễn.

Vui xem hát

Nhặt xem bơi

Tả tơi xem hội.

(Viện Văn hóa Dân gian - Lễ hội cổ truyền)

Địa danh miền Nam

Chợ Lớn

Trần Thượng Xuyên cầm binh giúp Chúa Nguyễn đánh dẹp Cao Miên, mở rộng biên cương miền Nam lại trở thành một tai họa khi xảy ra cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Khoảng năm 1776- 1779, Cù Lao Phố đã bị tàn phá trong các cuộc giao tranh. Nhà cửa, tiệm buôn, phố xá, kho chứa hàng đều bị thiêu đốt. Đường xá bị đào bới, các cơ sở thủ công tan tành. Dân chúng bị tàn sát, thầy lầy hết giòng sông quanh cù lao, nước đỏ ngào vì máu. Đến cả tháng sau, những người sống sót không ai dám dùng nước ở sông vì ô nhiễm! Cả một vùng thương cảng sầm uất đã thành chiến địa tan hoang. Những người Hoa còn sống sót đã bồng bế nhau lánh nạn về Bến Nghé và là những người đã gầy dựng lại sự nghiệp, thành lập vùng Chợ Lớn về sau này!

(Trần Ngươn Phiêu – Cù Lao Phố)

Thơ Bút Tre và Hồ Xuân Hương

Người đi một nửa hồn tôi mất!!

Một nửa hồn kia...đứng chửi thề

Phẩm hàm

Ngày xưa còn ở miền Bắc, các vị hương chức, mỗi lần có hội hè đình đám gì thì ăn rồi còn được chia phần mang về một đĩa xôi, một miếng thịt, gọi là miếng thịt làng, tuy nó ít nhưng còn hơn cả một sàng thịt mua ở chợ. Đó cũng là một cái danh, cái lợi. Vì thế nên cái mâm mống mua danh mua chức mới phát sinh. Nhỏ thì mua nhỏ, lớn thì mua lớn. Ở thôn quê làng, xã thì mua Lý Trưởng, Phó Lý, còn giàu hơn một tí thì mua Hàn Lâm, Cửu Phẩm

Thậm chí có những người không có địa vị trong họ, ngoài làng, thì người ta gọi bằng cái nghề của người đó, như nghề thợ mộc, thợ may, đóng cối... Cũng được gọi là phó mộc, phó may, phó cối ...

Có người bảo trong làng có cả đồng ông lý, ông phó, thì làm sao mà phân biệt được?

Vâng! vì thế mới có danh xưng ông lý cựu, ông lý mới, ông lý cửu, ông lý bá...Cụ Trùm Lý cũng vậy người ta gọi cụ là cụ Trùm Lý, để phân biệt với với cụ Trùm Chánh, cụ Trùm Chỉ, cụ Trùm Phó...

Công việc làng, việc nước chỉ làm việc sau năm năm là mãn hạn. Còn nếu có khả năng, có sức làm mà "cổ đấm ăn xôi" làm thêm năm, ba năm nữa để kiếm tí phẩm hàm, được gọi là ông Lý Cửu, hay ông Lý Bá. Tùy ở bằng sắc nhà vua ban.

Thí dụ không có bằng cấp gì, thì được thưởng hàm Cửu Phẩm Bá Hộ. Còn nếu có bằng cấp như anh nhiều, anh khóa (sau này là bằng sơ học trở lên), thì được thưởng hàm Cửu Phẩm Văn Giai.

(Thúy Sơn - Bên dòng sông Trà)

Hàm súc và ý vị

Theo tôi, để văn chương hàm súc và ý vị, nhà văn phải viết trong giả thiết là người đọc của mình là những người cực kỳ thông minh và uyên bác: hẳn không cần phải viết những gì, thứ nhất, độc giả có thể đã biết rồi; thứ hai, độc giả có thể chưa biết nhưng có thể tìm hiểu ở những nguồn tài liệu khác.

Với những người đọc thông minh và uyên bác ấy, hẳn phải viết những điều thông minh và uyên bác tương xứng, nghĩa là, ít nhất phải thông minh và uyên bác hơn chính bản thân hẳn. Lâu nay, trong những cách nghĩ thông thường, chúng ta có khuynh hướng xem tác phẩm chỉ là một phần của tác giả: nếu tác phẩm ấy có điều gì thông minh và uyên bác thì đó chỉ là một phần trong sự thông minh và uyên bác của tác giả.

Sự thật ngược lại. Những tác phẩm thành công nhất của một tác giả bao giờ cũng thông minh hơn, uyên bác hơn, do đó, giàu có hơn và cũng cao hơn hẳn tác giả ấy. Những tác phẩm ấy trở thành một thách thức đối với chính cái kẻ đã tạo ra chúng. Đối diện với thách thức ấy, nhiều người đã đầu hàng: họ buông bút, không viết nữa.

(Nguyễn Hưng Quốc – Nhà văn...không là ai)

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật nhưng cũng lại "nhát gan"....:

"Gá duyên chẳng đặng hội này

Tôi chèo ghe ra sông cái, nước lớn đầy... tôi chèo vô"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Tên gọi: người Tàu

Tên gọi "người Tàu" có thể từ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) mà ra. Ông là người Việt gốc Hoa làm quan cho nhà Nguyễn, đi sứ nhà Thanh hai lần trong *Gia Định thành thông chí*, ông viết: "Người Phước Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam, đi tàu biển buôn bán qua lại ở nơi đô hội lớn Gia Định không đâu sánh bằng...".

Và có ghi chú: Tục gọi thuyền đi biển chạy bằng hơi nước là "tàu".

Có thể vì vậy người Nam gọi người Hoa là "Tàu" chăng?

(Phan Anh – Chùa Hoa)

Phê bình

Nói chung trong phê bình văn học vấn đề lớn hiện nay có lẽ là ở chỗ: sách thì hay dở không giống nhau thế mà các bài phê bình thì mức độ khen chê bài nào cũng giống bài nào cái điều người đọc muốn biết trước tiên và biết thật rõ là: tập thơ này, quyển truyện này hay dở và hay dở đến mức nào. Có khi chỉ nghe một người quen phê bình cuốn sách bằng một câu, một chữ mà người ta lại thấy thỏa mãn hơn là đọc cả một bài dài trên báo.

(Tuyển tập Hoài Thanh - Văn Học Việt Nam)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Chợ-lớn chỉ ngôi chợ xưa kia nằm trên địa điểm hiện tại của Sở Bưu điện Chợ-lớn kéo dài tới tận Đại Thế Giới cũ. Chợ này lập song song với chợ nhỏ còn tồn tại với tên chợ Thiếc ở phía trường đua Phú Thọ.

Sau Chợ-lớn dời tới Chợ-lớn mới do nhà đại phú Quách Đàm xây tặng, tượng họ Quách vẫn còn ở giữa đình chợ Bình Tây.

Hồi xưa tên Sài Gòn chỉ áp dụng cho khu vực Chợ-lớn hiện thời, còn chính Saigon bây giờ thì khi ấy là Bến Nghé (theo Trịnh Hoài Đức, theo các nhà hàng hải Âu Mỹ, theo bản đồ do ông Trần Văn Học vẽ ngày mùng 4 tháng chạp năm Gia-Long thứ 14 (1815) ghi trên vùng Chợ-lớn hiện tại chỗ nhà thương Chợ-Rẫy ba chữ “Saigon xứ”, khoảng gần Cây Mai và Phước Lâm.

Khu Saigon cao, nằm phía Đồn Đất tức là cái đồn trâu hẹp năm 1836 sau khi Lê Văn Khôi nổi loạn. Khu thấp thường gọi là Bến Nghé hay Bến Thành.

Bến Thành là cái tên ở gần hào thành Gia-Định, nguyên trước có cái rạch nối liền hào thành với sông Bến-Nghé và có cái chợ gọi là chợ Bến Thành. Cái rạch ấy về sau lấp đi thành Đại Nguyễn Huệ và đến bây giờ có câu ca dao như sau:

*Chợ Bến Thành đèn xanh đèn đỏ,
Anh nhìn cho tỏ thấy rõ đèn màu;
Lấy em anh đâu kể sang giàu,
Rau dưa mắm muối có nơi nào hơn em!*

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Mạng lưới văn học đầu tiên

Có thể nói cô Phạm Chi Lan là người đầu tiên (7/1995- 4/2001) khai mở trên internet sinh hoạt văn chương và báo chí tiếng Việt với tạp chí *Văn học nghệ thuật*.

Thời gian đầu *Văn học nghệ thuật* với diễn đàn *Ô thức* được viết bằng font VIQR, phát hành mỗi tuần. Sau nhờ tiến bộ của kỹ thuật điện toán với Unicode nên càng ngày càng được nhiều văn hữu góp mặt như: Trịnh Thanh Thủy, Cỏ May, Thận Nhiên, v..v..

Phạm Chi Lan, bút hiệu Phan Trầm Thu, sinh năm 1961 ở Sài Gòn. Đến Hoa Kỳ năm 75 lúc 13 tuổi với đôi chân tật nguyền và bị bạo bệnh từ nhỏ. Mất ngày 21.9.2009, tại Dallas.

(Đình Yên Thảo- báo Sài Gòn Nhỏ)

Tiếng Việt chữ Tàu

Hán tự, là chữ Nho, là tiếng Tàu là lối viết tượng hình. Người Việt còn hay lẫn lộn khi họ gọi chữ Hán là chữ Nho. Thực ra “Nho” là một thứ đạo làm người phát xuất từ người Tàu. Bởi vì Nho đạo truyền bá qua Hán tự, thành ra thiên hạ dễ lẫn mà gọi chữ Hán là chữ Nho. Vì vậy mới có cụm từ “ông đồ Nho viết chữ Nho”.

Người mình trung thành với lối văn cổ điển; hơn nữa chúng ta phát âm Hán tự theo lối riêng của chúng ta nên người Tàu họ chịu chết. Giả dụ các cụ ta xưa làm một bài Đường thi bằng Hán tự như ngâm lên thì họ không hiểu. Cũng vậy, khi người Tàu ngâm nga bài thơ của Lý

Bạch, Thôi Hộ, thì người mình cũng không hiểu luôn. Thế nên xưa kia, sứ bộ ta đi sứ phải mang theo thông dịch là vậy.

Phí Ngọc Hùng